

Vietnam Daily Review

SBV hạ lãi suất, VN-Index giao dịch tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/10/2020		•	
Tuần 28/9-2/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngân hàng nhà nước hạ lãi suất đã khiến VNIndex giao dịch tích cực khi đã tăng gần 9 điểm để quay trở lại gần ngưỡng 915 điểm. Dòng tiền đầu tư có sự cải thiện mạnh mẽ với 17/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường không chênh lệch nhiều so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy sự lạc quan đang dần trở lại với các nhà giao dịch. Theo đánh giá của chúng tôi, với đà tăng này, VNIndex có khả năng hướng về khu vực 915-920 điểm vào phiên cuối tuần.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 1/10/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: SBT_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +8.88 điểm, đóng cửa 914.09. HNX-Index +0.57 điểm, đóng cửa 133.5.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.52); VIC (+0.96); VCB (+0.74); GAS (+0.6); HPG (+0.57).
- Kéo chỉ số giảm: NVL (-0.06); HPX (-0.05); DAT (-0.03); BHN (-0.03); STB (-0.03).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 5,878 tỷ đồng, +6.56% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 4.96 điểm. Thị trường có 305 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 108 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -270.57 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-78.1 tỷ), VNM (-46.7 tỷ) và VJC (-36.3 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -7.84 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 914.09

Giá trị: 5878.31 tỷ 8.88 (0.98%)

Khối ngoại (ròng): -270.57 tỷ

HNX-INDEX 133.50

Giá trị: 737.04 tỷ 0.57 (0.43%)

Khối ngoại (ròng): -7.84 tỷ

UPCOM-INDEX 62.42

Giá trị: 0.65 tỷ 0.69 (1.12%)

Khối ngoại (ròng): -20.2 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.0	-0.62%
Giá vàng	1,896	0.54%
Tỷ giá USD/VND	23,187	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,214	-0.17%
Tỷ giá JPY/VND	21,957	-0.14%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	21.00%
LS TPCP 5 năm	1.3%	-8.38%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	9.5	HPG	78.1
DPM	7.3	VNM	46.7
SSI	7.3	VJC	36.3
VHM	6.2	VND	17.7
MSN	5.5	DBC	16.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 01/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.16	-0.15%	-0.40%	-6.40%	-19.54%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.28	-0.05%	-0.40%	-8.10%	-24.86%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	118.22	0.05%	0.80%	-0.50%	-17.13%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1891.43	0.30%	1.30%	-4.00%	27.71%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.57	1.45%	1.80%	-16.20%	35.36%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1032.00	0.83%	3.20%	8.20%	7.19%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	580.25	0.39%	5.50%	5.10%	10.16%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.52	-0.05%	7.50%	9.30%	12.90%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	176.67	1.10%	2.00%	0.10%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.51	0.67%	1.40%	2.20%	-1.53%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.95	1.28%	0.40%	-12.20%	-2.80%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6672.00	1.41%	1.00%	0.10%	17.51%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	523.19	1.31%	0.90%	-4.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1765.00	-1.01%	0.60%	-1.90%	3.52%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	116.62	3.17%	3.90%	-5.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	64.30	-0.31%	2.40%	11.40%	-17.56%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 74 US cent lên 42.3 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 93 US cent hay 2.4% lên 40.22 USD/thùng. Hạ viện Mỹ sẵn sàng bỏ phiếu về dự luật cứu trợ kinh tế bị ảnh hưởng bởi virus corona của Đảng Dân chủ trị giá 2.2 tỷ USD. Với áp lực gia tăng trước cuộc bầu cử ngày 3/11, Bộ trưởng Tài chính Mnuchin cho biết ông nghĩ ông và Chủ tịch Hạ viện Pelosi có thể đạt được một thỏa hiệp hợp lý. Cũng hỗ trợ giá là số liệu tồn kho dầu thô hàng tuần của Mỹ giảm 2 triệu thùng trong tuần trước, giảm nhiều hơn so với các nhà phân tích dự kiến. Xuất khẩu tăng trong khi nhập khẩu giảm. Nhập khẩu ròng dầu thô của Mỹ giảm 536,000 thùng/ngày trong tuần trước xuống 1.6 triệu thùng/ngày.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.3% xuống 1,892.33 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,895.5 USD/ounce. Cuộc tranh luận lần đầu tiên của 2 ứng viên tổng thống giữa Tổng thống Donald Trump và đối thủ Đảng Dân chủ Joe Biden đã khiến các nhà đầu tư trở nên thận trọng và khiến họ tìm cách trú ẩn trong USD, làm giảm sức hấp dẫn của vàng đối với những người nắm giữ tiền tệ khác.

Giá sắt thép

• Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên đóng cửa tại mức 809 CNY (118.88 USD)/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Singapore tăng 3% lên 120.28 USD/tấn. Những vấn đề mới nảy sinh với nguồn cung đã khiến giá quặng sắt tăng, công ty khai thác mỏ Vale S.A. dừng hoạt động tại nhà máy Viga ở Brazil, sẽ làm giảm sản lượng 11,000 tấn/ngày. Trong khi đó, một tàu chở hàng ở cảng Hedland, một trong những cảng vận chuyển quặng sắt lớn nhất thế giới, 17 trong số 21 thủy thủ bị dương tính với virus corona, điều này sẽ làm chậm việc vận chuyển hàng từ cảng này.

• Thép thanh dùng trong xây dựng trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 1.1% trong khi thép cuộn cán nóng tăng 1%.

Giá cao su

• Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa giảm 2.5 JPY hay 1.3% xuống 184 JPY/kg. Doanh số bán lẻ của Nhật Bản giảm 1.9% trong tháng 8 so với một năm trước, giảm tháng thứ 6 liên tiếp, bởi ảnh hưởng của khủng hoảng virus corona.

• Hợp đồng cao su giao tháng 1/2021 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 2.3% xuống 12,350 CNY/tấn.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 tăng 1.4 US cent hay 1.3% lên 1.1095 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 tăng 1 USD hay 0.1% lên 1,305 USD/tấn.

• Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 đóng cửa phiên tăng 0.09 US cent hay 0.7% lên 13.51 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng 3.4 USD hay 0.9% lên 375.3 USD/tấn.

	1/10	% 1/10	30/9	% 30/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	914.09	0.98%	905.21	0.14%	0.61%	3.68%
S&P 500			3363.00	0.83%	3.90%	-4.13%
HĐTL S&P500	3378.25	0.78%	3352.00	0.55%	4.33%	-3.16%
Shang- hai	3218.05	-0.20%	3224.36	0.21%	-1.88%	-5.23%
Euro Stoxx	3202.37	0.27%	3193.61	-0.64%	1.35%	-2.29%

Phân tích kỹ thuật

SBT_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trung lập, Xu hướng tăng.

Nhận định: SBT đang nằm trong nhịp hồi phục trung hạn sau khi tích lũy dài hạn quanh ngưỡng giá 14.0 từ tháng 03/2020. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD ủng hộ xu hướng tăng giá trong khi chỉ báo RSI đang cho thấy nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu đang đã vượt lên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư dài hạn có thể mở vị thế cổ phiếu tại vùng giá 15-16.0 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 18.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 14.0. Nếu cổ phiếu duy trì thanh khoản cao khi đột phá ngưỡng 18.0, SBT có thể kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 20 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

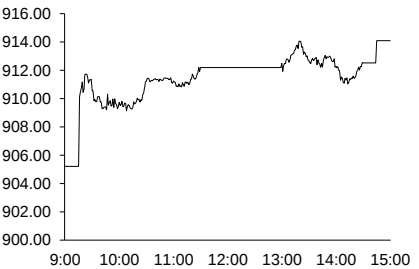
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-0.09%
Ô tô và phụ tùng	0.00%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.01%
Bảo hiểm	0.54%
Thực phẩm và đồ uống	0.57%
Bán lẻ	0.60%
Ngân hàng	0.74%
Xây dựng và Vật liệu	0.76%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.91%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.09%
Dầu khí	1.09%
Bất động sản	1.20%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.24%
Du lịch và Giải trí	1.33%
Công nghệ Thông tin	1.34%
Tài nguyên Cơ bản	1.78%
Truyền thông	2.10%
Dịch vụ tài chính	3.56%

Hình 1

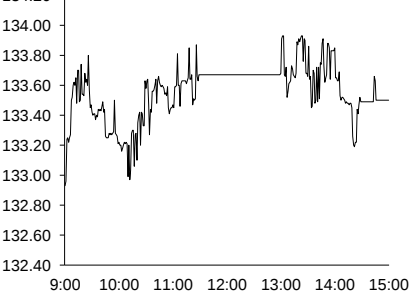
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	109.3	2	0.09% Có thể tiếp tục mua	
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.4	3	0.00% Có thể tiếp tục mua	
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	12.05	6	6.17% Có thể tiếp tục mua	
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	79.8	7	-1.60% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	84.8	8	-0.70% Có thể tiếp tục mua	
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.65	9	1.75% Có thể tiếp tục mua	
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.3	10	3.25% Có thể tiếp tục mua	
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	6.2	13	1.64% Có thể tiếp tục mua	
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	54.9	14	3.00% Có thể tiếp tục mua	
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	13.9	15	7.75% Có thể tiếp tục mua	
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	28.65	17	2.50% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	25.3	20	4.98% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	24.1	21	1.26% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	19.7	22	5.63% Có thể tiếp tục mua	
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.5	23	3.17% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.4	28	6.35% Có thể giữ nguyên vị thế	
8/31/2020	VJC	103	112	100	105.5	31	2.43% Có thể giữ nguyên vị thế	
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	24.1	34	2.12% Có thể tiếp tục mua	
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.6	35	4.72% Có thể giữ nguyên vị thế	
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	22.5	51	15.09% Cần nhắc không mua thêm (**)	
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.4	52	-2.25% Cần nhắc đóng vị thế (*)	
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	9.4	56	27.20% Cần nhắc không mua thêm (**)	
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	69	59	2.30% Cần nhắc đóng vị thế (*)	
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.6	92	6.25% Có thể tiếp tục mua	
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	35	99	14.04% Có thể tiếp tục mua	
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.1	107	2.94% Cần nhắc đóng vị thế (*)	

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

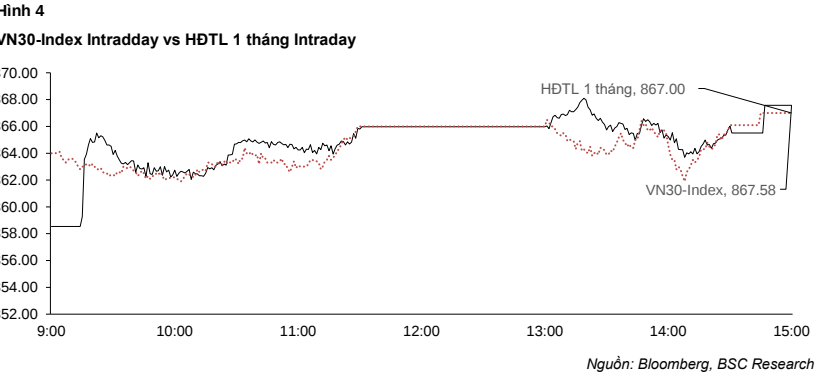
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/4/2020	VCS	67	76	60	TP	27	13.43%
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	TP	29	17.58%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%

Chú thích:
 Thống kê 7 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	23	3	5.42%	-1.52%	4.62%	32
Cổ phiếu đã chốt	34	21	11.60%	-9.52%	3.53%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	867.00	0.84%	-0.58	-28.2%	114,067	10/15/2020	14
VN30F2011	863.80	0.90%	-3.78	49.7%	859	11/19/2020	49
VN30F2012	860.00	0.70%	-7.58	-66.2%	103	12/17/2020	77
VN30F2103	857.80	0.73%	-9.78	-72.3%	44	3/18/2021	168

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +9.04 điểm, lên mức 867.58 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VHM, VPB, VIC, FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch tích lũy quanh 865 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức vừa phải, VN30 có thể vận động tích lũy quanh kháng cự 870 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2011, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2009	12/18/2020	78	1:1	155,820	45.24%	1,650	3,380	-0.59%	3,115	1.09	12,550	10,900	13,750
CSTB2004	11/30/2020	60	1:1	157,050	45.24%	1,400	3,020	0.33%	2,947	1.02	12,400	11,000	13,750
CMBB2007	1/14/2021	105	2:1	354,930	36.49%	1,400	1,890	0.00%	1,732	1.09	19,800	17,000	19,850
CVNM2005	10/29/2020	28	10:1	327,560	33.82%	1,500	3,220	0.00%	816	3.95	118,000	103,000	109,300
CMWG2012	2/8/2021	130	5:1	433,220	42.03%	4,390	5,730	0.53%	5,549	1.03	101,950	80,000	105,000
CVNM2009	11/20/2020	50	8.097362688 9722-1	128,110	33.82%	1,810	3,030	2.02%	797	3.80	102,436	87,780	109,300
CSTB2007	4/27/2021	208	2:1	277,190	45.24%	1,500	2,020	3.59%	1,858	1.09	13,999	10,999	13,750
CSTB2002	12/16/2020	76	1:1	185,680	45.24%	1,700	2,410	1.69%	2,321	1.04	13,588	11,888	13,750
CHPG2009	10/29/2020	28	2:1	217,860	38.15%	1,600	5,280	6.02%	2,311	2.28	25,700	22,500	27,000
CHPG2008	11/30/2020	60	1:1	221,100	38.15%	4,100	5,710	7.94%	1,326	4.31	32,100	28,000	27,000
CHPG2002	12/16/2020	76	2:1	182,000	38.15%	1,700	2,390	8.64%	451	5.30	33,399	29,999	27,000
CHPG2019	12/18/2020	78	2:1	453,280	38.15%	1,630	2,150	10.26%	1,890	1.14	27,360	24,100	27,000
CHPG2016	1/14/2021	105	2:1	367,460	38.15%	2,200	3,460	6.79%	1,071	3.23	31,900	27,500	27,000
CHPG2013	12/1/2020	61	1:1	60,940	38.15%	6,900	9,380	5.87%	3,659	2.56	30,900	24,000	27,000
CVHM2005	1/14/2021	105	10:1	557,130	38.38%	1,400	850	10.39%	595	1.43	93,000	79,000	77,100
CHDB2007	4/27/2021	208	5:1	268,880	40.43%	1,300	1,520	10.14%	430	3.53	34,272	27,772	24,800
CHPG2010	4/5/2021	186	4:1	843,840	38.15%	1,800	1,420	9.23%	306	4.64	40,300	33,100	27,000
CVPB2006	11/30/2020	60	1:1	293,480	46.30%	3,400	1,770	9.26%	1,938	0.91	27,400	24,000	24,100
CHDB2005	10/5/2020	4	4:1	793,970	40.43%	1,080	1,500	48.51%	1	1,401.87	31,647	27,327	24,800
CSBT2007	4/27/2021	208	2:1	327,990	41.53%	1,700	1,400	34.62%	1,035	1.35	19,399	15,999	15,800
Tổng				6,279,500	39.98%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 1/10/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

- CHDB2005 và CSBT2007 tăng mạnh lần lượt là 48.51% và 34.62%. Trái lại, CNVL2001 giảm mạnh -30.00%. Giá trị giao dịch tăng 5.49%. CMWG2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.04% thị trường.
- CVPB2006, CVRE2006, CREE2004, CVRE2005, và CTCB2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CDPM2002, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMWG2012, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	105.0	0.7%	1.2	2,067	3.5	8,348	12.6	3.3	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	61.7	1.3%	1.3	604	1.3	4,629	13.3	3.0	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	48.9	0.3%	1.4	1,577	0.5	1,625	30.1	1.8	28.2%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	29.8	-0.3%	0.3	290	0.0	2,651	11.2	0.9	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	92.5	1.1%	0.8	13,603	0.9	2,336	39.6	3.7	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	27.7	0.4%	1.1	2,737	2.6	1,057	26.2	2.3	30.9%	8.9%	
VHM	Bất động sản	77.1	2.1%	1.3	11,027	4.5	6,686	11.5	3.7	22.1%	36.5%	
DXG	Bất động sản	10.4	2.5%	1.4	233	1.3	658	15.7	0.8	34.6%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	17.8	5.0%	1.3	465	7.9	1,718	10.4	1.1	49.6%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	30.8	6.9%	1.0	222	2.8	4,110	7.5	1.4	28.7%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	22.2	5.5%	1.7	294	5.3	1,608	13.8	1.6	49.4%	11.5%	
FPT	Công nghệ	50.8	1.6%	0.8	1,731	2.0	4,280	11.9	2.7	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	48.8	0.4%	0.4	581	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	72.4	1.5%	1.4	6,025	0.8	5,169	14.0	2.6	3.2%	20.5%	
PLX	Dầu khí	50.8	1.0%	1.5	2,692	0.3	867	58.6	3.1	16.1%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.9	2.2%	1.5	289	3.6	1,339	10.4	0.5	10.0%	5.2%	
BSR	Dầu khí	7.3	2.8%	0.8	984	0.9	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	105.9	0.4%	0.5	602	0.0	5,044	21.0	4.3	54.8%	21.2%	
DPM	Hóa chất	17.8	0.0%	0.4	303	2.4	1,700	10.5	0.9	12.2%	8.9%	
DCM	Hóa chất	11.8	-0.8%	0.5	270	1.9	709	16.6	1.0	2.1%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	84.8	0.8%	1.1	13,674	1.4	4,915	17.3	3.5	23.6%	22.0%	
BID	Ngân hàng	41.0	0.4%	1.3	7,161	2.1	2,132	19.2	2.2	17.5%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	26.6	0.2%	1.2	4,306	6.3	2,995	8.9	1.2	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	24.1	1.5%	1.2	2,554	5.5	4,126	5.8	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	19.9	0.5%	1.0	2,081	6.9	3,497	5.7	1.1	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	22.5	0.0%	1.0	2,115	6.4	2,884	7.8	1.6	39.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	62.2	2.1%	0.9	221	0.7	5,781	10.8	2.1	82.1%	19.5%	
NTP	Nhựa	33.6	2.8%	0.4	172	0.1	3,348	10.0	1.6	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	15.8	-1.3%	0.3	680	0.0	356	44.4	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	27.0	2.3%	1.2	3,890	20.0	2,632	10.3	1.7	34.2%	18.1%	
HSG	Thép	15.8	1.0%	1.5	305	7.6	1,767	8.9	1.1	10.3%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	109.3	0.4%	0.8	9,930	8.0	4,615	23.7	7.6	58.4%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	184.5	0.7%	0.8	5,144	0.2	6,328	29.2	6.4	63.1%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	54.9	0.5%	1.0	2,804	2.3	3,255	16.9	2.8	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.8	6.8%	0.8	403	5.5	561	28.1	1.3	5.5%	5.1%	
ACV	Vận tải	66.9	0.0%	0.8	6,332	0.7	3,450	19.4	4.0	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	105.5	0.9%	1.1	2,403	2.0	3,480	30.3	3.7	17.6%	12.3%	
HVN	Vận tải	27.3	2.2%	1.7	1,683	1.8	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	24.1	0.6%	0.9	311	0.6	1,381	17.5	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.6	1.1%	1.2	166	1.1	2,076	6.6	0.8	19.9%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	75.0	2.5%	1.0	506	1.8	8,104	9.3	3.5	2.9%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	0.8	448	0.3	1,363	16.9	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	3.2%	1.0	267	1.3	1,937	8.3	1.1	6.0%	13.5%	
CTD	Xây dựng	69.0	-0.3%	1.1	229	1.7	8,453	8.2	0.6	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.3	1.1%	0.3	190	0.7	1,562	11.7	0.8	34.8%	7.6%	
REE	Điện	41.8	4.0%	-1.4	563	1.1	4,780	8.7	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	21.3	0.2%	-0.4	148	0.3	2,176	9.8	0.9	14.7%	9.9%	
POW	Điện	10.3	0.5%	0.6	1,049	2.3	933	11.0	0.9	10.6%	8.1%	
NT2	Điện	23.3	1.3%	0.6	292	0.1	2,685	8.7	1.5	19.0%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	14.3	0.7%	0.8	292	1.2	1,156	12.4	0.7	18.7%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	40.5	0%	1.0	1,823	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.9	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	77.10	2.12	1.50	1.36MLN
VIC	92.50	1.09	0.95	212510
VCB	84.80	0.83	0.73	367030.00
GAS	72.40	1.54	0.59	252570
HPG	27.00	2.27	0.56	17.16MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-0.05	1.36MLN	1.11MLN
HPX	0.00	-0.05	449220	607060
DAT	-0.01	-0.03	1830.00	373600
STB	0.00	-0.03	13.29MLN	192700
BHN	0.00	-0.03	3630	611640

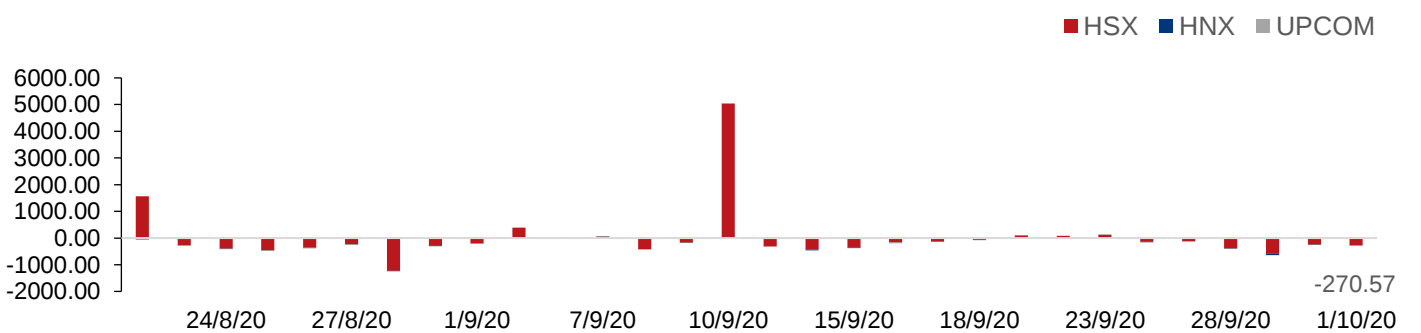
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAP	5.98	6.98	0.01	980820.00
SCR	6.60	6.97	0.04	7.63MLN
ASM	9.37	6.96	0.04	10.07MLN
DPG	29.20	6.96	0.02	1.30MLN
VCI	30.80	6.94	0.09	2.15MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HRC	37.00	-6.92	-0.02	20
TLD	14.15	-6.91	-0.01	28880
VID	8.93	-6.88	-0.01	11680.00
DAT	30.60	-6.85	-0.03	1830
SGT	5.21	-5.96	-0.01	5320

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	105.0	8,348	12.6	3.3	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.2	885	9.3	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	44.0	5,512	8.0	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.4	1,944	12.5	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	27.0	2,632	10.3	1.7	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.3	3,024	8.7	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.1	4,126	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	48.7	9,998	4.9	1.4	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.9	3,255	16.9	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.0	4,670	9.0	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.8	1,767	8.9	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.4	5,479	7.9	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.5	2,103	12.6	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	27.0	2,632	10.3	1.7	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.8	3,103	7.3	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	61.7	4,629	13.3	3.0	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	109.9	4,105	26.8	9.4	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.4	658	15.7	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	23.2	1,721	13.5	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.3	7,583	3.3	1.4	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.1	5,224	5.2	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	54.5	4,739	11.5	2.3	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	84.8	4,915	17.3	3.5	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	22.5	2,884	7.8	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	44.0	5,512	8.0	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.3	5,872	9.9	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.8	4,280	11.9	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	24.1	1,381	17.5	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.3	1,156	12.4	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	184.5	6,328	29.2	6.4	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.4	1,944	12.5	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	109.3	4,615	23.7	7.6	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	105.0	8,348	12.6	3.3	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	21.1	2,088	10.1	1.5	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.9	5,044	21.0	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.6	2,076	6.6	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	61.7	4,629	13.3	3.0	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.8	4,313	7.8	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	209.0	14,782	14.1	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
SAB 2020Q3	17/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 193300; Giá tại Publish 188200 Định giá: BSC khuyến nghị THEO DÕI SAB với giá mục tiêu là 193,300 đồng/cp, upside 2.7% so với giá ngày 15/9/2020 dựa trên 2 phương pháp DCF và PE với mức PE mục tiêu là 29x (tăng so với PE mục tiêu là 24x). Chúng tôi nâng định giá PE với kỳ vọng Sabeco phục hồi
PNJ 2020Q3	7/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 65000; Giá tại Publish 60000 Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST của PNJ FY2020E lần lượt là 15,874 tỷ đồng (-6.6% Y/Y) và 881 tỷ đồng (-25.9% Y/Y) tương đương EPS fw 2020E là 3,877 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 15.6x và PB fw = 2.7x. LNST giảm -25.9% YoY so với báo cáo trước là -11.8% YoY do thay đổi giá định
VNM 2020Q3	27/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 122100; Giá tại Publish 118000 Dự báo KQKD: BSC điều chỉnh dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST đạt lần lượt là 60,386 tỷ đồng (+7.2% YoY) và 11,300 tỷ đồng (+6.8% YoY), tương đương EPS fw là 6,043đ , PE fw là 19.3x , PB fw là 5.9x. Thay đổi dự phóng LNST tăng +6.8% so với báo cáo trước (+4.6% YoY) do giả định về tăng biên gộp, giảm chi phí SGA/DTT và tăng doanh thu tài chính.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639